

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 12/01/2018

V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Châu Cương.

2. Ông Phạm Thanh Hải.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Văn Quới – Thư ký tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Phong – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 262/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2017 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Mạc Thị Ngọc H, sinh năm 1993. Địa chỉ: tổ 3, ấp V, xã V, thành phố C, tỉnh A, (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lâm Thành T, sinh năm 1986. Địa chỉ: khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh A, (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và ý kiến trình bày của bà Mạc Thị Ngọc H:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Lâm Thành T qua tìm hiểu quyết định tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V năm 2013, Sau khi cưới năm thì vợ chồng sống tại khóm X, thị trấn T, đến khoảng tháng 9/2017 thì anh T đi làm ăn xa nên có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên chúng tôi đã ly thân cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh Lâm Thành T.

Về con chung: có một con chung là Lâm Bảo N, sinh ngày 10/5/2013, tôi yêu cầu nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

- Bị đơn ông Lâm Thành T có ý kiến:

Về quan hệ hôn nhân : Tôi thống nhất điều kiện đi đến hôn nhân như cô H trình bày, sau khi cưới nhau thì tôi làm nghề buôn bán và vợ chồng cùng sống tại khóm X, thị trấn T, vào khoảng tháng 6/2017 do kinh tế khó khăn nên tôi phải đi làm ăn xa và công việc của tôi là quản lý quán karaoke và kỹ thuật viên massager, do tính chất công việc thường xuyên tiếp xúc với người khác giới và có một cô gái cũng thích tôi nên cô ấy có điện thoại về cho H để gây chuyện chứ thực chất giữa tôi và cô ấy không có chuyện quan hệ gì cả.

Tôi và cô H đã ly thân từ tháng 9/2017 cho đến nay, xét thấy cô H khởi kiện yêu cầu ly hôn với tôi do không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Tôi đồng ý ly hôn

Về con chung: Lâm Bảo N, sinh ngày 10/5/2013, Tôi đồng ý để cô H nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, tôi không cấp dưỡng nuôi con.

Về Tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Tuy nhiên, do bận việc đi làm ăn xa, xin vắng mặt trong xét xử tại Tòa án. Tôi vẫn bảo lưu ý kiến trình bày trong biên bản ghi lời khai tại Tòa án.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo qui định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo qui định tại các điều 70,71,72,73 điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện và trình bày tại phiên tòa. Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên trong cuộc sống vợ chồng cả hai có nhiều mâu thuẫn. Ngoài ra, lúc làm ăn xa, anh T có quan hệ quen biết sống với người phụ nữ khác, nên chị H kiên quyết xin ly hôn. Do đó, thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa H và T có mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn. Nên cho ly hôn theo yêu cầu của bà H.

Về con chung: Hiện nay con chung do chị H nuôi dạy và cũng còn nhỏ. Chị H có công việc ổn định, mua bán nhỏ tại nhà, còn ông T thì thường xuyên đi làm ăn xa, nên cần giao con cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung chị H không yêu cầu, nên không giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: các bên thống nhất khai không có.

Tại phiên tòa, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu và ông T vắng mặt;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại khóm X, thị trấn T, huyện T, và yêu cầu khởi kiện được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án huyện Tịnh Biên thụ lý và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Mặt khác, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung:

Xét quan hệ hôn nhân: bà Mạc Thị Ngọc H và ông Lâm Thành T được xác lập vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố C theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình 2014 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Bà H yêu cầu ly hôn, tuy nhiên ông T không đồng ý, với lý do còn thương vợ con. Mặt khác, thì ông T có thừa nhận từ tháng 6/2017 có đi làm ăn xa, do có người phụ nữ khác thích và người này có nhắn tin về cho vợ, nên gây ra hiểu lầm, thực tế ông không có quan hệ với người này. Theo xác minh tại địa phương ngày 05/12/2017, thì bà H và ông T sống tại khóm X, thị trấn T, trong thời gian chung sống thì có xảy ra mâu thuẫn nhưng không rõ nguyên nhân, không còn chung sống từ hơn 02 tháng nay và bà H đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống tại xã V.

Từ đó, thấy rằng giữa bà H, ông T có mâu thuẫn dẫn đến bà H cương quyết xin ly hôn. Điều này phù hợp theo biên bản xác minh tại khóm X ngày 05/12/2017, thì có căn cứ cho rằng hôn nhân của bà H, ông T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Do đó, có cơ sở cho bà H được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Lâm Bảo N, sinh ngày 10/5/2013. Xét thấy, tại thời điểm này bé được 44 tháng tuổi, tuy đã trên 36 tháng tuổi. Nhưng từ sau khi bỏ đi con do bà H nuôi dưỡng. Mặt khác, ông T thường xuyên đi làm ăn xa, nên cần tiếp tục giao con cho bà H nuôi dưỡng, để phù hợp điều kiện học tập và không làm thay đổi hoàn cảnh thích ứng của bé. Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: các bên thống nhất khai không có.

- Về án phí: Bà Mạc Thị Ngọc H khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch. Ông T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điểm a khoản 5 khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mạc Thị Ngọc H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Mạc Thị Ngọc H được ly hôn với ông Lâm Thành T.

- Về quan hệ con chung: Bà Mạc Thị Ngọc H được trực tiếp nuôi con chung tên Lâm Bảo N, sinh ngày 10/5/2013. Ông Lâm Thành T không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: các bên thống nhất khai không có.

- Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số TU/2016/0003870, ngày 01/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h.Tịnh Biên;
- Chi cục THADS h.TB;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân xã V;
- Lưu HS & VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Ngọc Mỹ